

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 24/02/2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Bà Lương Thị Thu An

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Hồng Huế là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 21/01/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C. Địa chỉ: Q, xã M, huyện B, tỉnh Long An

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Mai Yến K, sinh năm 1992. QL1A, xã M, huyện B, tỉnh Long An (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Công M, sinh năm 1968, Địa chỉ: Tổ A, KP.3B, P. M, TX. C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/2024, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH C – bà Mai Yến K trình bày:

Ngày 21/10/2022, Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty C) và ông Trần Công M có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 1112197/2022/HĐ-CJVA, theo đó Công ty C sẽ cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông Trần Công M như thỏa thuận tại hợp đồng nêu trên. Ngày 25/10/2022, Công ty C và ông M tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 01/1112197/DST/2022/PLHĐ, theo đó Công ty C đồng ý cho ông M mua thức ăn chăn nuôi theo phương thức trả chậm với hạn mức là 500.000.000 đồng không có tài sản thế chấp, thời gian áp dụng công nợ tín chấp này là từ ngày 25/10/2022 đến ngày 30/10/2023. Đến ngày 28/12/2022, ông M đề nghị nâng hạn mức công nợ tín chấp lên là 1.000.000.000 đồng và được Công ty C đồng ý. Do đó, ngày 28/12/2022, giữa Công ty C và ông M tiếp

tục ký Phụ lục hợp đồng số 02/1112197/DST/2022/PLHD để thống nhất phương án nâng hạn mức tín chấp của ông M lên 1.000.000.000 đồng, thời gian áp dụng hạn mức tín chấp này là từ ngày 28/12/2022 đến ngày 30/10/2023. Công ty C đã thực hiện giao hàng cho ông M như thỏa thuận đã ký kết, tuy nhiên phía ông M đã không thực hiện thanh toán đúng kì hạn. Ngày 30/9/2023, giữa Công ty C và ông Trần Công M đã tiến hành đối chiếu và xác nhận công nợ bằng văn bản, theo đó ông Trần Công Minh xác N còn nợ Công ty C số tiền chưa thanh toán là 888.474.280 đồng. Quá trình rà soát công nợ của phía Công ty C thể hiện, tính đến ngày 20/8/2024 thì ông Trần Công M còn nợ Công ty C số tiền chưa thanh toán là 512.155.369 đồng. Công ty C đã nhiều lần liên hệ và nhắc nhở ông M về việc thanh toán nợ cho Công ty C nhưng không có kết quả.

Do đó, Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành giải quyết buộc ông Trần Công M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C các khoản tiền sau:

- Nợ gốc là 512.155.369 đồng.
- Lãi chậm thanh toán theo khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng tính đến ngày xét xử, tạm tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 20/09/2024 là: 512.155.369 đồng $\times 1\% \times 12$ tháng = 61.458.644 đồng .
- Lãi phạt hợp đồng theo khoản 6.3 Điều 6 của Hợp đồng tính đến ngày xét xử, tạm tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 20/9/2024 là: 512.155.369 đồng $\times 1\% \times 12$ tháng = 61.458.644 đồng

Tổng cộng là: 635.072.657 đồng

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ việc, phía ông Trần Công M đã thanh toán cho Công ty C số tiền nợ gốc là 190.000.000 đồng. Do đó ngày 17/01/2025 Công ty C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu, cụ thể, Công ty C yêu cầu ông Trần Công M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền là:

- Nợ gốc là: 322.155.369 đồng (ba trăm hai mươi hai triệu một trăm năm mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi chín đồng).
- Lãi suất chậm thanh toán theo khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng là 1.2%/tháng, chi tiết như sau:
 - Tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử vụ án, tạm tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 20/9/2024 là: 322.155.369 đồng $\times 1\% \times 12$ (tháng) = 38.658.644 đồng (ba mươi tám triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).
 - Phạt vi phạm Hợp đồng theo điểm 6.3.1 khoản 6.3 Điều 6 của Hợp đồng là 1% trên giá trị vi phạm:

Tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử vụ án, tạm tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 20/9/2024, số tiền là 322.155.369 đồng $\times 1\% \times 12$ (tháng) = 38.658.644 đồng (ba mươi tám triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Tổng số tiền ông M phải trả tạm tính đến ngày 20/9/2024 là: 322.155.369 đồng + 38.658.644 đồng + 38.658.644 đồng = 399.470.657 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ngàn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Khi quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông M vẫn tiếp tục không thanh toán thì phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật cho đến khi nào thì hành xong quyết định hoặc bản án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp chứng cứ: Giấy chứng nhận kinh doanh (bản sao); Giấy ủy quyền ngày 20/8/2024 (bản chính); Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi (bản sao của công ty); Phụ lục hợp đồng (bản sao); Xác nhận công nợ (bản sao); 05 hoá đơn giá trị gia tăng (photo); Bảng đối chiếu công nợ; Bản chi tiết công nợ

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Công M đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 17/01/2025

Bị đơn vắng mặt không lý do

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 của BLTTDS năm 2015; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của BLTTDS năm 2015

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 418, 431, 440, 357 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH C buộc ông Trần Công M phải trả cho Công ty TNHH C số tiền 322.155.369 đồng nợ gốc, 54.122.090 đồng nợ lãi và 54.122.090 đồng tiền phạt vi phạm

Về án phí: Đề nghị xem xét theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1} Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của công ty C yêu cầu ông Trần Công M phải thanh toán số tiền còn nợ trong việc cung cấp

mua bán thức ăn chăn nuôi, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

{2} Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Công M có địa chỉ tổ A, KP.3B, P.M, thị xã C, tỉnh Bình Phước do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành.

{3} Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về thời hiệu.

{4} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C đối với số tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 21/10/2022 giữa Công ty TNHH C (gọi tắt là công ty C) và ông Trần Công M có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 1112197/2022/HĐ-CJVA, theo đó Công ty C sẽ cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông Trần Công M như thỏa thuận tại hợp đồng nêu trên. Ngày 25/10/2022, Công ty C và ông M tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 01/1112197/DST/2022/PLHĐ, theo đó Công ty C đồng ý cho ông M mua thức ăn chăn nuôi theo phương thức trả chậm với hạn mức là 500.000.000 đồng không có tài sản thế chấp, thời gian áp dụng công nợ tín chấp này là từ ngày 25/10/2022 đến ngày 30/10/2023. Đến ngày 28/12/2022, ông M đề nghị nâng hạn mức công nợ tín chấp lên là 1.000.000.000 đồng và được Công ty C đồng ý. Do đó, ngày 28/12/2022, giữa Công ty C và ông M tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 02/1112197/DST/2022/PLHĐ để thống nhất phương án nâng hạn mức tín chấp của ông M lên 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), thời gian áp dụng hạn mức tín chấp này là từ ngày 28/12/2022 đến ngày 30/10/2023. Từ khi ký kết hợp đồng Công ty TNHH C đã nhiều lần xuất bán hàng hóa cho ông M và có xuất hóa đơn giá trị gia tăng gửi đến cho ông M để yêu cầu thanh toán.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng. Tại bản đối chiếu công nợ ngày 06/10/2023 thể hiện Công ty TNHH C và ông M đã đối chiếu công nợ tính đã được 2 bên ký xác nhận đầy đủ tính đến hết ngày 30/9/2023 ông M còn nợ số tiền 888.474.280 đồng. Nguyên đơn xác định sau khi đối chiếu công nợ bị đơn đã thanh toán được tổng số tiền là 566.318.643 đồng, còn nợ lại số tiền nợ gốc là 322.155.369 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông M làm việc cung cấp lời khai, chứng cứ và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án chỉ có thể căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định ông M còn nợ Công ty TNHH C 322.155.369 đồng trong việc mua bán thức ăn chăn nuôi và cần buộc ông M phải trả cho Công ty TNHH C số tiền nợ gốc nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Đối với yêu cầu lãi suất chậm thanh toán với mức 1%/tháng tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử vụ án: Do tại điều 2.4 của hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 1112197/2022/HĐ-CJVA thể hiện các bên có thỏa

thuận mức lãi suất là 1%/tháng, từ ngày các bên đối chiếu công nợ 30/9/2023 ông M chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự, cụ thể: $322.155.369 \times 1\% \times 16 \text{ tháng } 24 \text{ ngày}$ (từ ngày 01/10/2023 đến ngày 24/02/2025) = 54.122.090 đồng

Về yêu cầu phạt vi phạm Hợp đồng là 1% trên giá trị vi phạm tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử vụ án: Do tại điểm 6.3.1 khoản 6.3 Điều 6 của Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 1112197/2022/HĐ-CJVA các bên có thỏa thuận phạt vi phạm là 1%/tháng, tính từ ngày 30/9/2023 ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại điều 418 Bộ luật dân sự cụ thể: $322,155,369 \times 1\% \times 16 \text{ tháng } 24 \text{ ngày}$ (từ ngày 01/10/2023 đến ngày 24/02/2025) = 54.122.090 đồng

Tổng cộng số tiền ông M phải trả Công ty TNHH C là 430.399.549 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

{5} Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là phù hợp nên được chấp nhận.

{6} Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 21.215.981 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 431, 440, 357 Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH C buộc ông Trần Công M phải trả cho Công ty TNHH C số tiền 322.155.369 đồng nợ gốc, 54.122.090 đồng nợ lãi và 54.122.090 đồng tiền phạt vi phạm

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Công M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.215.981 đồng. Công ty TNHH C được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là 14.701.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004505 ngày 23/10/2024

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TX Chơn Thành;
- Chi cục THADS TX Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ung Thị Ngọc Thanh